

Số: 3291/QĐ-UBND

Giang Thành, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025
trình Hội đồng nhân dân huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 146/TTr-TCKH ngày 12/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách năm 2025 trình Hội đồng nhân dân huyện Giang Thành, như sau:

1. Phân bổ số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện và phương án phân bổ chi ngân sách cấp huyện

1.1. Về dự toán thu năm 2025

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 13.390 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh 295.635 triệu đồng.
- Thu từ nguồn thực hiện Cải cách tiền lương huyện cân đối: 6.402 triệu đồng.

Như vậy, tổng thu điều tiết, bổ sung cân đối, mục tiêu ngân sách huyện được hưởng là 315.427 triệu đồng.

1.2. Về phân bổ chi ngân sách cấp huyện

Tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện năm 2025 là 252.802 triệu đồng (không bao gồm chi bổ sung cho ngân sách cấp xã), chi tiết cụ thể như sau:

- a) Dự toán chi đầu tư phát triển 2.040 triệu đồng (từ 60% thu tiền sử dụng đất).
- b) Dự toán chi thường xuyên 245.926 triệu đồng, dự kiến bố trí cơ cấu như sau:

- Sự nghiệp kinh tế 53.139 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp môi trường 3.000 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề 114.562,6 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin 2.233,9 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp thể thao 216 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình 346 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp khác: 2.062 triệu đồng.
- Chi đảm bảo xã hội 6.936 triệu đồng.
- Chi quản lý hành chính, tổ chức chính trị, xã hội... 49.001,8 triệu đồng.
- Chi quốc phòng - an ninh 2.159,7 triệu đồng.
- Chi các nội dung khác 1.784 triệu đồng.
- 10% thực hiện chính sách tiền lương: 6.239 triệu đồng.
- Chi khác (khen thưởng, mua sắm, chi khác...) 2.376 triệu đồng.
- Tăng chi 1% bổ sung cân đối 1.870 triệu đồng
- c) Dự phòng ngân sách cấp huyện 4.836 triệu đồng.
- d) Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 2.588 triệu đồng.

2. Phân bổ số bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã



2.1 Về dự toán thu năm 2025

- Thu hưởng 100% chi thường xuyên 550 triệu đồng.
- Thu phân chia theo tỷ lệ được hưởng 1.380 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 57.469,796 triệu đồng.

Như vậy, tổng thu điều tiết, bổ sung cân đối, mục tiêu ngân sách xã năm 2025 được hưởng là 59.399,796 triệu đồng.

2.2. Về dự toán chi năm 2025

- Tổng chi cân đối ngân sách xã là 59.399,796 triệu đồng.
- + Chi thường xuyên 58.235,093 triệu đồng.
- + Dự phòng ngân sách xã 1.164,703 triệu đồng.

Chi tiết theo phụ lục biểu đính kèm (Biểu số 69/CK-NSNN; Biểu số 70/CK-NSNN; Biểu số 71/CK-NSNN; Biểu số 72/CK-NSNN; Biểu số 73/CK-NSNN; Biểu số 74/CK-NSNN; Biểu số 76/CK-NSNN; Biểu số 77/CK-NSNN; Biểu số 78/CK-NSNN)

Hình thức công khai: Niêm yết công khai rộng rãi trên cổng thông tin điện tử huyện Giang Thành.

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Sở Tài Chính;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND Huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Tạ Văn Dũng

Số: 146 /TTr-TCKH

Giang Thành, ngày 12 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 trình Hội đồng nhân dân huyện

Kính gửi: Thường trực UBND huyện Giang Thành.

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;

Để đảm bảo đúng quy định về các văn bản công khai dự toán trình Hội đồng nhân dân huyện. Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện kính trình Thường trực UBND huyện xem xét công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 trình Hội đồng nhân dân huyện với những nội dung cụ thể như sau:

1. Phân bổ số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện và phương án phân bổ chi ngân sách cấp huyện

1.1 Về dự toán thu năm 2025

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 13.390 triệu đồng.



- Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh 295.635 triệu đồng.
- Thu từ nguồn thực hiện Cải cách tiền lương huyện cân đối: 6.402 triệu đồng.

Như vậy, tổng thu điều tiết, bổ sung cân đối, mục tiêu ngân sách huyện được hưởng là 315.427 triệu đồng.

1.2. Về phân bổ chi ngân sách cấp huyện

Tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện năm 2025 là 252.802 triệu đồng (không bao gồm chi bổ sung cho ngân sách cấp xã), chi tiết cụ thể như sau:

- a) Dự toán chi đầu tư phát triển 2.040 triệu đồng (từ 60% thu tiền sử dụng đất).
- b) Dự toán chi thường xuyên 245.926 triệu đồng, dự kiến bố trí cơ cấu như sau:
 - Sự nghiệp kinh tế 53.139 triệu đồng.
 - Chi sự nghiệp môi trường 3.000 triệu đồng.
 - Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề 114.562,6 triệu đồng.
 - Chi sự nghiệp văn hóa thông tin 2.233,9 triệu đồng.
 - Chi sự nghiệp thể thao 216 triệu đồng.
 - Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình 346 triệu đồng.
 - chi sự nghiệp khác: 2.062 triệu đồng.
 - Chi đảm bảo xã hội 6.936 triệu đồng.
 - Chi quản lý hành chính, tổ chức chính trị, xã hội... 49.001,8 triệu đồng.
 - Chi quốc phòng - an ninh 2.159,7 triệu đồng.
 - Chi các nội dung khác 1.784 triệu đồng.
 - 10% thực hiện chính sách tiền lương: 6.239 triệu đồng.
 - Chi khác (khen thưởng, mua sắm, chi khác...) 2.376 triệu đồng.
 - Tăng chi 1% bổ sung cân đối 1.870 triệu đồng
- c) Dự phòng ngân sách cấp huyện 4.836 triệu đồng.
- d) Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 2.588 triệu đồng.

2. Phân bổ số bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã

2.1 Về dự toán thu năm 2025

- Thu hưởng 100% chi thường xuyên 550 triệu đồng.
- Thu phân chia theo tỷ lệ được hưởng 1.380 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 57.469,796 triệu đồng.

Như vậy, tổng thu điều tiết, bổ sung cân đối, mục tiêu ngân sách xã năm 2025 được hưởng là 59.399,796 triệu đồng.

2.2. Về dự toán chi năm 2025

- Tổng chi cân đối ngân sách xã là 59.399,796 triệu đồng.
- + Chi thường xuyên 58.235,093 triệu đồng.
- + Dự phòng ngân sách xã 1.164,703 triệu đồng.

Chi tiết theo phụ lục biểu đính kèm (Biểu số 69/CK-NSNN; Biểu số 70/CK-NSNN; Biểu số 71/CK-NSNN; Biểu số 72/CK-NSNN; Biểu số 73/CK-NSNN; Biểu số 74/CK-NSNN; Biểu số 76/CK-NSNN; Biểu số 77/CK-NSNN; Biểu số 78/CK-NSNN)

Phòng Tài chính - Kế hoạch kính trình thường trực UBND huyện xem xét phê duyệt công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 để làm cơ sở trình Hội đồng nhân dân huyện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Lương Đắc Tường



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2024	Dự toán HĐND huyện giao năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán HĐND huyện năm 2025	So sánh (3)	
						Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5=4-3	6=4/2
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	236.944.000	239.224.000	484.488.693	314.697.000	-169.791.693	64,95%
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	11.850.000	14.130.000	10.866.000	12.660.000	1.794.000	116,51%
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.860.000	1.860.000	1.300.000	1.700.000	400.000	130,77%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	9.990.000	12.270.000	9.566.000	10.960.000	1.394.000	114,57%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	225.094.000	225.094.000	385.094.000	295.635.000	-89.459.000	76,77%
1	Thu bổ sung cân đối	187.055.000	187.055.000	187.055.000	188.925.000	1.870.000	101,00%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	38.039.000	38.039.000	198.039.000	106.710.000	-91.329.000	53,88%
III	Thu từ 10% giữ lại làm nguồn CCTL				6.402.000	6.402.000	
IV	Thu kết dư			13.900.143		-13.900.143	-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			74.628.550		-74.628.550	-
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	215.581.000	215.581.000	419.066.643	255.390.000	39.809.000	118,47%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	215.581.000	215.581.000	419.066.643	252.802.000	37.221.000	117,27%

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2024	Dự toán HĐND huyện giao năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán HĐND huyện năm 2025	So sánh (3)	
						Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5=4-3	6=4/2
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.520.000	2.520.000	131.858.000	2.040.000	-480.000	80,95%
2	Chi thường xuyên	208.883.000	208.883.000	224.263.485	245.926.000	37.043.000	117,73%
3	Chi bổ sung ngân sách xã			58.767.158			
4	Dự phòng ngân sách	4.178.000	4.178.000	4.178.000	4.836.000	658.000	115,75%
5	Chi tăng lương theo ND 24/2023/ND-CP						
II	Chi các chương trình mục tiêu	0	0		2.588.000	2.588.000	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					-	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIANG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Ngàn đồng

S T T	Nội dung	Dự toán HĐND huyện năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán HĐND huyện năm 2025	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN					
I	Nguồn thu ngân sách	239.224.000	484.488.693	308.295.000	-176.193.693	63,63%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	14.130.000	10.866.000	12.660.000	1.794.000	116,51%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	225.094.000	385.094.000	295.635.000	-89.459.000	76,77%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	187.055.000	187.055.000	188.925.000	1.870.000	101,00%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	38.039.000	198.039.000	106.710.000	-91.329.000	53,88%
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				-	
4	Thu kết dư	0	13.900.143	-	-13.900.143	-
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	74.628.550	-	-74.628.550	-
II	Chi ngân sách	257.335.000	419.066.643	312.859.796	-106.206.847	121,58%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	215.581.000	360.299.485	252.802.000	37.221.000	117,27%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	41.754.000	58.767.158	57.469.796	15.715.796	137,64%
	- Chi bổ sung cân đối ngân sách	40.662.368	40.662.368	56.209.086	15.546.718	138,23%
	- Chi bổ sung có mục tiêu	1.091.632	18.104.790	1.260.710	169.078	115,49%
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			-	0	
4	Chi các chương trình mục tiêu			2.588.000	2.588.000	
III	Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP					
B	NGÂN SÁCH XÃ					
I	Nguồn thu ngân sách	43.534.000	70.908.491	59.399.796	15.865.796	136,44%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.780.000	2.334.000	1.930.000	150.000	108,43%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	41.754.000	58.767.158	57.469.796	15.715.796	137,64%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	40.662.368	40.662.368	56.209.086	15.546.718	138,23%

S T T	Nội dung	Dự toán HĐND huyện năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán HĐND huyện năm 2025	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1.091.632	18.104.790	1.260.710	169.078	
3	Thu kết dư		516.502		-	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		9.290.831		-	
II	Chi ngân sách	43.534.000	66.894.500	59.399.796	15.865.796	136,44%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	43.534.000	66.894.500	59.399.796	15.865.796	136,44%

Ghi chú: Chưa bao gồm (Nguồn thu 10% giữ lại nguồn CCTL năm 2025): 6.402.000 ngàn đồng; Số chi tiết giao xã sẽ thấp hơn tính phân bổ do thừa chế độ 9 quân lực lượng Dân quân thường trực



Biểu số 71/CK-NSNN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2024		Dự toán HĐND huyện giao năm 2025		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	24.550.000	13.200.000	27.900.000	14.590.000	113,65%	110,53%
I	Thu nội địa	24.550.000	13.200.000	27.900.000	14.590.000	113,65%	110,53%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	100.000	-	100.000	-	100,00%	
	Thuế VAT	50.000		40.000		80,00%	
	Thu thuế TNDN	50.000		60.000		120,00%	
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu khác ngoài quốc doanh	4.350.000	4.340.000	4.400.000	4.400.000	101,15%	101,38%
	Thuế VAT	4.190.000	4.190.000	4.200.000	4.200.000	100,24%	100,24%
	Thu thuế TNDN	150.000	150.000	200.000	200.000	133,33%	133,33%
	Thuế tài nguyên	10.000					
5	Thuế thu nhập cá nhân	8.300.000		8.400.000		101,20%	
6	Lệ phí trước bạ	5.200.000	5.200.000	4.700.000	4.700.000	90,38%	90,38%
7	Thu phí, lệ phí	1.400.000	760.000	1.500.000	800.000	107,14%	
-	Phí và lệ phí trung ương	630.000		700.000		111,11%	
-	Phí và lệ phí tỉnh	10.000			-	0,00%	
-	Phí và lệ phí huyện	500.000	500.000	650.000	650.000	130,00%	

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2024		Dự toán HĐND huyện giao năm 2025		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
-	<i>Phí và lệ phí xã, phường</i>	260.000	260.000	150.000	150.000	57,69%	57,69%
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	100.000		650.000		650,00%	
9	Thu tiền sử dụng đất	2.500.000	1.500.000	5.400.000	3.240.000	216,00%	216,00%
10	Thu khác ngân sách	2.200.000	1.000.000	2.350.000	1.050.000	106,82%	105,00%
	<i>- Trung ương, tỉnh</i>	1.200.000		1.300.000			
	<i>- Huyện</i>	800.000	800.000	1.050.000	1.050.000		131,25%
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>			250.000	250.000		
	<i>- Xã</i>	200.000	200.000			0,00%	0,00%
11	Thu quỹ đất công ích hoa lợi công sản	400.000	400.000	400.000	400.000	100,00%	100,00%



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: *Ngàn đồng*

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP	315.427.000	255.390.000	60.037.000
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	312.839.000	252.802.000	60.037.000
I	Chi đầu tư phát triển	2.040.000	2.040.000	-
II	Chi thường xuyên	304.786.000	245.926.000	58.860.000
1	Sự nghiệp kinh tế	53.139.000	53.139.000	
2	Chi sự nghiệp môi trường	3.000.000	3.000.000	
4	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	114.562.600	114.562.600	
5	Sự nghiệp văn hóa thông tin	2.233.900	2.233.900	
6	Sự nghiệp thể dục thể thao	216.000	216.000	
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	346.000	346.000	
8	Chi đảm bảo xã hội	6.936.000	6.936.000	
9	Chi sự nghiệp khác	2.062.000	2.062.000	
10	Chi quản lý hành chính, tổ chức chính trị...	49.001.800	49.001.800	
11	Chi Quốc phòng - An ninh	2.159.700	2.159.700	
12	Các nội dung chi khác	1.784.000	1.784.000	
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (khen thưởng, chi khác)	2.376.000	2.376.000	
14	Tăng 1% bổ sung cân đối	1.870.000	1.870.000	
15	10% tiết kiệm tạo nguồn CCTL	6.239.000	6.239.000	
III	Dự phòng ngân sách	6.013.000	4.836.000	1.177.000
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	2.588.000	2.588.000	-
C	TĂNG CHI NHIỆM VỤ	0		

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
A	B	1=2+3	2	3
D	CHI KẾT DƯ VÀ CHUYỂN NGUỒN	0		



Biểu số 73/CK-NSNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: *Ngàn đồng*

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NSDP	315.427.000
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	247.966.000
I	Chi đầu tư phát triển	2.040.000
II	Chi thường xuyên	245.926.000
1	Sự nghiệp kinh tế	53.139.000
2	Chi sự nghiệp môi trường	3.000.000
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	114.562.600
4	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Sự nghiệp văn hóa thông tin	2.233.900
6	Sự nghiệp thể dục thể thao	216.000
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	346.000
8	Chi đảm bảo xã hội	6.936.000
9	Chi sự nghiệp khác	2.062.000
10	Chi quản lý hành chính, tổ chức chính trị...	49.001.800
11	Chi Quốc phòng - An ninh	2.159.700
12	Các nội dung chi khác	1.784.000
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (khen thưởng, chi khác)	2.376.000
14	Tăng 1% bổ sung cân đối	1.870.000
15	10% tiết kiệm tạo nguồn CCTL	6.239.000
C	Chi thường xuyên ngân sách xã	58.860.000
D	Dự phòng ngân sách	6.013.000

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
C	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	2.588.000
D	TĂNG CHI NHIỆM VỤ	0
E	CHI KẾT DƯ VÀ CHUYỂN NGUỒN	-



BẢNG PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2025
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: *Ngàn đồng*

TT	Nội dung	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	222.170.159		211.095.159	4.836.000	6.239.000				
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	153.625.363		153.625.363	0	0				
I.1	Khối Đảng, Đoàn thể	20.060.995		20.060.995						
1	Văn phòng Huyện Ủy	15.070.714		15.070.714						
2	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam	941.410		941.410						
3	Hội Nông dân	1.065.885		1.065.885						
4	Hội Liên Hiệp Phụ Nữ	1.147.380		1.147.380						
5	BCH Đoàn huyện	1.034.422		1.034.422						
6	Hội Cựu Chiến Binh	801.184		801.184						
I.2	Khối QLNN	29.951.796		29.951.796						
1	Văn Phòng HĐND-UBND	7.603.487		7.603.487						
2	Phòng Nội vụ	1.825.888		1.825.888						
3	Phòng Tư pháp	657.495		657.495						
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.709.267		1.709.267						
5	Phòng Lao động - TB và XH	8.285.151		8.285.151						
	- Chi hành chính	1.409.151		1.409.151						



TT	Nội dung	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	- Chi Bảo trợ XH; Đảm bảo XH; BHYT; Tiền điện hỗ nghèo	6.876.000		6.876.000						
6	Phòng Văn Hóa và Thông tin	838.857		838.857						
7	Phòng Giáo dục Và Đào tạo và Sự nghiệp	3.616.729		3.616.729						
	- Chi hành chính	1.648.244		1.648.244						
	- Chi sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	1.968.485		1.968.485						
8	Thanh tra huyện	1.626.128		1.626.128						
9	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1.150.803		1.150.803						
10	Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	1.419.913		1.419.913						
11	Phòng Tài Nguyên và Môi trường	1.218.078		1.218.078						
I.3	Khối sự nghiệp	4.375.279		4.375.279						
01	Trung tâm Văn Hóa TT và Truyền thanh	2.045.540		2.045.540						
02	Nhà thiếu Nhi	197.925		197.925						
03	Hội chữ Thập đỏ	704.899		704.899						
04	Hội người Cao tuổi	340.011		340.011						
05	Hội khuyến học	189.408		189.408						
06	Khu Quản lý khu bảo tồn Loài - Sinh cảnh Phú Mỹ	897.496		897.496						
I.4	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	97.077.593		97.077.593						
01	Trường Mầm Non Vĩnh Phú	2.559.259		2.559.259						
02	Trường Mầm Non Vĩnh Điều	2.790.398		2.790.398						
03	Trường Mầm Non Tân Khánh Hòa	2.844.091		2.844.091						

TT	Nội dung	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
04	Trường Mầm Non Phú Lợi	2.271.110		2.271.110						
05	Trường Mầm Non Phú Mỹ	2.463.693		2.463.693						
06	Trường Tiểu học Tân Khánh Hòa	10.156.852		10.156.852						
07	Trường Tiểu học Phú Lợi	8.004.534		8.004.534						
08	Trường Tiểu học Phú Mỹ	7.514.267		7.514.267						
09	Trường Tiểu học Vĩnh Phú	5.488.319		5.488.319						
10	Trường Tiểu học Trần Thệ	5.623.502		5.623.502						
11	Trường TH&THCS Vĩnh Phú B	10.402.096		10.402.096						
12	Trường TH&THCS Vĩnh Điều	12.075.888		12.075.888						
13	Trường THCS Tân Khánh Hòa	6.524.834		6.524.834						
14	Trường THCS Phú Mỹ	7.442.732		7.442.732						
15	Trường THCS Vĩnh Phú	5.918.032		5.918.032						
16	Trung tâm GDNN-GDTX	3.335.041		3.335.041						
17	Trung tâm Chính trị	1.662.945		1.662.945						
	<i>Trong đó: Chi đào tạo mở lớp</i>	720.000		720.000						
I.5	An ninh, quốc phòng	2.159.700		2.159.700						
01	Công an huyện	372.600		372.600						
02	Ban Chỉ huy Quân sự	1.787.100		1.787.100						
	<i>Trong đó: Chi huấn luyện DBĐV</i>	1.248.000		1.248.000						
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	4.836.000			4.836.000					
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	6.239.000				6.239.000				



TT	Nội dung	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
IV	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI, MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH XÃ	57.469.796		57.469.796						
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU									

Ghi chú:

- 1 Định mức phân bổ công việc đối với khối Đảng, đoàn thể, Khối HCNN; Sự nghiệp khác: Tính trên 75/25 (không kể phần lương Biên chế thiếu tính giao công việc)
- 2 Đối với Sự nghiệp Giáo dục tính công việc định mức: 81/19 (không kể phần lương biên chế thiếu tính công việc)
- 3 Đối với hoạt động đào tạo (Trung tâm Chính trị): Định mức công việc tính 80/20

Đơn vị: Ngàn đồng[illegible]

[illegible]



Biểu số 77/CK-NSNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI
NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2025**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: *Ngàn đồng*

S T T	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra		Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương và tăng nhiệm vụ	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã	
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia					
					Tổng số					Trong đó: Phần NSDP được hưởng
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8	9=2+6+7+8
	TỔNG SỐ	0	1.930.000	550.000	0	1.380.000	56.209.086	1.260.710	-	59.399.796
1	Xã Phú Lợi		158.000	20.000		138.000	10.070.224	823.910		11.052.134
2	Xã Phú Mỹ		361.000	130.000		231.000	11.404.440	116.400		11.881.840
3	Xã Tân Khánh Hòa		373.000	35.000		338.000	12.065.666	118.800		12.557.466
4	Xã Vĩnh Điều		587.000	180.000		407.000	11.503.512	108.000		12.198.512
5	Xã Vĩnh Phú		451.000	185.000		266.000	11.165.244	93.600		11.709.844



Biểu số 78/CK-NSNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2025**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Ngàn đồng

S T T	Tên đơn vị (1)	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1 = 2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	1.260.710	0	1.260.710	0
1	Xã Phú Lợi	823.910		823.910	
2	Xã Phú Mỹ	116.400		116.400	
3	Xã Tân Khánh Hòa	118.800		118.800	
4	Xã Vĩnh Điều	108.000		108.000	
5	Xã Vĩnh Phú	93.600		93.600	

Ghi chú: (1) Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh chi tiết đến từng huyện. Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.